TOÀ ÁN ND HUYỆN YTH **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ -ST
Ngày: 29/7/2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YTH – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Ngô Phiên.

Bà Nguyễn Thị Cương.

- Thư ký phiên toà: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YTh , tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YTh , tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên

Ngày 29/7/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện YTh , tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/02/2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2020, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2020/QĐST – HNGĐ ngày 20/7/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thảo V1 , sinh năm 1978, (Có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đền Qu, xã ĐS, huyện YTh , tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn B1 , sinh năm 1975, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đền Qu, xã ĐS, huyện YTh , tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Nguyễn Thị Thảo V1 trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn B1 vào ngày 03/11/2006 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện. Hai bên đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện YTh . Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng càng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh B1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên bỏ bê

không quan tâm đến vợ con. Vào khoảng tháng 01/2020, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên chị V1 đã bỏ nhà ra thuê nhà ở riêng tại thôn Đông Kênh, xã ĐS. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V1 xin ly hôn anh B1 .

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Công H1, sinh ngày 20/10/2001; cháu Nguyễn Khởi Ph1, sinh ngày 21/01/2008. Hiện nay cháu H1 đã trưởng thành nên chị V1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Ph1, khi ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh B1 cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Văn B1 trình bày: Việc kết hôn, con chung như chị V1 trình bầy là đúng. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, thỉnh thoảng có lời qua tiếng lại một chút chứ không mâu thuẫn gì. Từ ngày 01/01/2020, chị V1 tự ý dọn ra ở trọ chỗ khác, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Lý do chị V1 chuyển ra ở trọ riêng thì anh B1 không biết. Nay chị V1 khởi kiện xin ly hôn anh B1 thì anh B1 xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn chị V1 . Trường hợp Tòa án xử ly hôn thì anh B1 cũng đồng ý để cho chị V1 nuôi cháu Phước và tự thỏa thuận về phần tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 20/5/2020 với ông Nguyễn Huy M1 là trưởng thôn Đền Qu, xã ĐS, huyện YTh cho biết: Anh B1 , chị V1 là công dân của thôn Đền Qu. Anh B1 và chị V1 kết hôn với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐS. Sau khi kết hôn, anh B1 và chị V1 sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ tháng 01/2020 cho đến nay thì chị V1 không chung sống cùng anh B1 nữa và đưa con trai út đi thuê nhà ở gần nhà bố mẹ đẻ của chị V1 . Lý do tại sao chị V1 đi thuê nhà ở riêng thì ông không biết.

Tại biên bản xác minh ngày 20/5/2020 với ông Nguyễn Thanh V1 là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Thảo V1 cho biết: Anh B1 , chị V1 là công dân của thôn Đền Qu. Anh B1 và chị V1 kết hôn với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐS. Sau khi kết hôn, anh B1 và chị V1 sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng cuối năm 2019, chị V1 có nói với ông về việc vợ chồng căng thẳng, ông có khuyên can hai vợ chồng. Tuy nhiên, đến đầu năm 2020 thì chị V1 cùng cháu Phước thuê nhà trọ ở gần nhà ông còn anh B1 cung cháu H1 vẫn ở nhà anh B1 . Về mâu thuân vợ chồng anh B1 , chị V1 như ông được biết là do anh B1 có người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia

đình. Nay, chị V1 khởi kiện xin ly hôn anh B1 ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 24/7/2020 với bà Nguyễn Thị B2, hội trưởng hội phụ nữ thôn Đền Qu, xã ĐS, huyện YTh cho biết: Anh B1 , chị V1 là công dân địa phương. Năm 2006 chị V1 , anh B1 kết hôn với nhau. Thời gian đầu vợ chồng anh B1 chị V1 sống hạnh phúc và có 2 người con chung là cháu Nguyễn Công H1 và cháu Nguyễn Khởi Ph1 hiện tại hai cháu tại địa phương và phát triển bình thường. Đến cuối năm 2019 thì vợ chồng anh B1 , chị V1 thường xuyên sảy ra mâu thuẫn. Anh B1 là người cục tính nên khi xảy ra cãi vã là anh B1 hay đánh chị V1 . Hội phụ nữ đã hòa giải nhiều lần những vẫn thường xuyên xảy ra tình trạng trên. Đến khoảng tháng 1/2020 thì chị V1 không còn chung sống với anh B1 nữa. Nay, chị V1 khởi kiện xin ly hôn anh B1 bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Chấp hành chưa đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự: Vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa vắng mặt không có lý do.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thảo V1 , cho chị V1 ly hôn anh Nguyễn Văn B1 .

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khởi Ph1, sinh ngày 21/01/2008 cho chị V1 nuôi dưỡng, chăm sóc, anh B1 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh B1 thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thảo V1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện YTh nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Nguyễn Thị Thảo V1 và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình: Xin ly hôn, nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B1 có địa chỉ tại xã ĐS, huyện YTh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YTh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay anh Hậu vắng mặt không lí do Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn B1 .

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị V1 kết hôn với anh B1 vào ngày 03/11/2006 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện YTh . Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng càng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh B1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên bỏ bê không quan tâm đến vợ con. Vào khoảng tháng 01/2020, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên chị V1 đã bỏ nhà ra thuê nhà ở riêng tại thôn ĐK, xã ĐS. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị V1 xin ly hôn anh B1 . Tại biên bản lấy lời khai đối với anh B1 cho rằng: Vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên anh B1 cũng thừa nhận hai vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay và anh không đồng ý ly hôn với anh B1 .

Căn cứ vào bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự, các biên bản xác minh. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị V1 và anh B1 đến nay đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân thời gian đã lâu, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị V1 được ly hôn anh B1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Công H1, sinh ngày 20/10/2001; cháu Nguyễn Khởi Ph1, sinh ngày 21/01/2008. Hiện nay cháu H1 đã trưởng thành nên chị V1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Ph1 hiện nay đang đi học và ở cùng với chị V1 , khi ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh B1 cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: Cháu Ph1

hiện đang ở ổn định với chị V1 , cháu vẫn được chị V1 nuôi ăn học và phát triển khỏe mạnh bình thường. Ngoài ra, cháu Ph1 có nguyện vọng được ở cùng với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy chị V1 đủ khả năng, điều kiện nuôi con nên cần giao cho chị V1 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là phù hợp và có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con: chị V1 , anh B1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn các bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở các bên thực hiện quyền này.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị V1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thảo V1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/21016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thảo V1 được ly hôn anh Nguyễn Văn B1 .

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thảo V1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Khởi Ph1, sinh ngày 21/01/2008. Sau khi ly hôn các bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung không ai được cản trở các bên thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ: Chị V1 không yêu cầu giải quyết.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thảo V1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị V1 đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng theo biên lai số AA/2014/0004631 ngày 19/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YTh .

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện YTh ;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện YTh ;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Đình Hưng